PHỤ LỤC I

Tình hình thực hiện tăng trưởng GRDP năm 2026 của địa phương theo giá so sánh 2020

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2026 của UBND thành phố Huế)

Stt	Ngành kinh tế	Đơn vị tính	Tình hình thực hiện tăng trưởng kinh tế các quý (Cục Thống kê công bố)					Phấn đấu thực hiện	
			Quý I	Quý II	TH 6 tháng đầu năm	Quý III	9 tháng	Quý IV	Cả năm
	CHỈ TIÊU KINH TẾ								
I	**Tổng sản phẩm trong thành phố**	**Triệu đồng**	**18,337,510**	**22,429,235**	**40,766,745**	**22,680,925**	**63,447,670**	**23,356,992**	**86,804,662**
1	**Nông Lâm ngư nghiệp**	"	1,057,107	2,643,427	3,700,535	2,446,915	6,147,449	1,176,753	7,324,203
2	**Công nghiệp, xây dựng**	"	5,829,073	7,414,703	13,243,777	7,389,335	20,633,112	8,460,236	29,093,348
a)	*Công nghiệp*	"	4,750,842	5,878,397	10,629,239	5,651,773	16,281,012	6,539,339	22,820,351
b)	*Xây dựng*	"	*1,078,232*	*1,536,306*	*2,614,538*	1,737,562	*4,352,100*	1,920,898	6,272,997
3	**Dịch vụ**	"	9,701,531	10,581,814	20,283,346	11,135,560	31,418,906	11,712,108	43,131,014
4	**Thuế SP. trừ trợ cấp SP.**	"	1,749,799	1,789,290	3,539,088	1,709,115	5,248,203	2,007,894	7,256,097
II	**Tốc độ tăng trưởng GRDP**	**%**	**9.39%**	**8.04%**	**8.64%**	**8.85%**	**8.72%**	**13.65%**	**10.00%**
1	**Nông Lâm ngư nghiệp**	"	4.19%	4.27%	4.24%	3.79%	4.06%	4.92%	4.20%
2	**Công nghiệp, xây dựng**	"	10.64%	9.35%	9.91%	10.20%	10.01%	18.05%	12.24%
a)	*Công nghiệp*	*"*	11.55%	9.67%	10.50%	*11.18%*	10.73%	16.40%	12.30%
b)	*Xây dựng*	"	6.79%	8.15%	7.58%	*7.12%*	7.40%	24.04%	12.00%
3	**Dịch vụ**	"	9.64%	8.14%	8.85%	9.4%	9.06%	12.24%	9.90%
4	**Thuế SP. trừ trợ cấp SP.**	"	7.24%	7.84%	7.54%	6.92%	7.34%	9.77%	8.00%
III	**Điểm phần trăm tăng trưởng**	**điểm**	**9.39**	**8.04**	**8.64**	**8.85**	**8.72**	**13.65**	**10.00**
1	**Nông Lâm ngư nghiệp**	"	0.25	0.52	0.40	0.43	0.41	0.27	0.37
2	**Công nghiệp, xây dựng**	"	3.34	3.05	3.18	3.28	3.22	6.29	4.02
a)	*Công nghiệp*	*"*	2.93	2.50	2.69	2.73	2.70	4.48	3.17
b)	*Xây dựng*	"	0.41	0.56	0.49	0.55	0.51	1.81	0.85
3	**Dịch vụ**	"	5.09	3.84	4.40	4.61	4.47	6.22	4.93
4	**Thuế SP. trừ trợ cấp SP.**	"	0.70	0.63	0.66	0.53	0.61	0.87	0.68